

Số: 09.226/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Ê Đen (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị giới hạn bởi vấn đề sau:

Như đã được ghi chú tại mục 1.5 của thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty chỉ bao gồm việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Ê Đen, và các Công ty con, Công ty TNHH Một Thành Viên Bất Động Sản Ê Đen và Công ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Ê Đen. Quyền lợi của Công ty mẹ trong các công ty liên kết chưa được hợp nhất trên báo cáo tài chính hợp nhất.

(Phần tiếp theo ở trang 5)



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2009

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		282.232.075.397	199.994.423.459
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	12.551.494.597	13.744.309.703
1. Tiền	111		12.551.494.597	13.744.309.703
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	118.177.614.757	89.186.274.635
1. Phải thu khách hàng	131		25.589.287.266	38.508.681.654
2. Trả trước cho người bán	132		63.459.658.077	39.269.845.974
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		29.128.669.414	11.407.747.007
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	139.197.956.250	84.545.046.295
1. Hàng tồn kho	141		139.197.956.250	84.545.046.295
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.305.009.793	12.518.792.826
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		481.644.483	155.911.129
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		301.007	57.538.246
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	11.823.064.303	12.305.343.451

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.273.735.120	28.328.084.934
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		3.491.532.174	2.797.981.209
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	3.444.816.352	2.695.339.267
- Nguyên giá	222		5.380.890.713	4.001.481.333
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.936.074.361)	(1.306.142.066)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	46.715.822	102.641.942
- Nguyên giá	228		167.778.351	167.778.351
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(121.062.529)	(65.136.409)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240	(5.7)	9.111.362.460	9.504.612.864
- Nguyên giá	241		9.831.260.000	9.831.260.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(719.897.540)	(326.647.136)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	20.345.030.000	13.840.740.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		15.050.000.000	
3. Đầu tư dài hạn khác	258		11.335.762.734	13.840.740.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(6.040.732.734)	
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270		3.325.810.486	2.184.750.861
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	(5.9)	3.059.038.459	2.184.750.861
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		195.772.027	
3. Tài sản dài hạn khác	278	(5.10)	71.000.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		318.505.810.517	228.322.508.393

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		210.177.280.867	126.619.821.082
I. Nợ ngắn hạn	310		205.783.075.329	119.971.670.273
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.11)	133.525.635.930	35.654.200.000
2. Phải trả người bán	312	(5.12)	20.116.519.529	15.644.448.848
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.12)	4.841.444.063	52.926.052.422
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.13)	6.688.792.596	12.023.431.941
5. Phải trả người lao động	315		1.934.555.900	3.092.354.849
6. Chi phí phải trả	316	(5.14)	35.964.994.000	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.15)	2.711.133.311	631.182.213
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		4.394.205.538	6.648.150.809
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.16)	4.029.176.922	6.648.150.809
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.17)	289.000.000	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		76.028.616	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.18)	108.328.529.650	101.603.086.077
I. Vốn chủ sở hữu	410		106.324.765.883	101.555.158.568
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.950.000.000	31.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(490.880.000)	(490.880.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.206.348.911	559.145.417
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.712.061.703	1.064.858.209
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.947.235.269	16.472.034.942
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.003.763.767	47.927.509
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.003.763.767	47.927.509
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500			99.601.234
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		318.505.810.517	228.322.508.393

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ			
+ USD		219.105,83	369.898,36
+ EUR			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HÀ THANH THỦY TRANG

Ngày 30 tháng 03 năm 2009
TỔNG GIÁM ĐỐC



TẠ KIM HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		165.765.709.610	94.093.347.846
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	(6.1)	165.765.709.610	94.093.347.846
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	119.421.859.708	60.716.228.949
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		46.343.849.902	33.377.118.897
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	1.928.795.892	851.530.173
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	9.792.318.568	2.225.126.417
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.617.419.439	2.156.404.597
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	14.958.086.763	12.424.251.274
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		23.522.240.463	19.579.271.379
11. Thu nhập khác	31		339.875.844	3.674.996.854
12. Chi phí khác	32		250.590.687	42.103.160
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		89.285.157	3.632.893.694
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		23.611.525.620	23.212.165.073
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(6.6)	6.176.077.565	6.740.528.897
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	(6.7)	(195.772.027)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	70		17.631.220.082	16.471.636.176
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	71			(398.766)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		17.631.220.082	16.472.034.942
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	(6.8)	3.407	3.700

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

HÀ THANH THÙY TRANG

Ngày 30 tháng 03 năm 2009
TỔNG GIÁM ĐỐC



TẠ KIM HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.611.525.620	23.212.165.073
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.079.108.819	692.547.233
Các khoản dự phòng	03		6.040.732.734	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.290.777.214	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(833.459.598)	(722.875.163)
Chi phí lãi vay	06		18.765.866.943	2.156.404.597
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		49.954.551.732	25.338.241.740
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.650.490.672)	(63.933.494.533)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(54.652.909.955)	(41.261.073.292)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(11.165.552.745)	53.717.889.301
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.200.020.952)	(114.863.903)
Tiền lãi vay đã trả	13		(18.765.866.943)	(2.156.404.597)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.910.037.756)	(2.218.807.168)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.312.758.203	320.992.932
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6.652.926.383)	(735.572.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(72.730.495.471)	(31.043.091.520)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(627.981.142)	(9.633.188.421)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(22.734)	(11.404.240.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		65.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.710.000.000)	(2.900.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		833.459.598	572.875.163
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.439.544.278)	(23.364.553.258)

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			60.210.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(650.880.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		649.737.625.180	406.854.600.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(559.548.420.000)	(414.345.502.356)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.212.241.205)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		81.976.963.975	52.068.217.644
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(1.193.075.774)	(2.339.427.134)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.744.309.703	16.083.736.837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		260.668	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		12.551.494.597	13.744.309.703

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HÀ THANH THỦY TRANG

Ngày 30 tháng 03 năm 2009
TỔNG GIÁM ĐỐC




TẠ KIM HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ê Đen (dưới đây gọi tắt là Công ty) là một công ty cổ phần được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 5116/QĐ-UB ngày 14 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003020 ngày 05 tháng 01 năm 2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 12 năm 2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 02 tháng 05 năm 2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 05 năm 2007.

Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là “EDEN JOINT STOCK COMPANY”. Tên viết tắt của Công ty là “EDEN CO”.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty là 52.000.000.000 đồng, được chia thành 5.200.000 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 880.000 cổ phần, tương đương 8.800.000.000 đồng, chiếm 16,92% vốn điều lệ của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 106 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Đại lý bán vé hàng không. Kinh doanh lưu trú du lịch, khách sạn. Kinh doanh nhà hàng. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ. Kinh doanh vàng. Mua bán rượu. Karaoke. Kinh doanh nhà;

Xây dựng cơ sở hạ tầng. Xây dựng dân dụng. Sửa chữa nhà và trang trí nội ngoại thất. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế. Dịch vụ quảng cáo, tiếp thị, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính);

Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép, túi xách, đồng hồ, kính mắt, sản phẩm nhựa-gỗ, hàng kim khí điện máy, đồ điện gia dụng, lương thực thực phẩm, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị máy móc và phụ tùng thay thế, vật liệu xây dựng, hạt giống, cây ươm, cây xanh, hoa, cây cảnh, phân bón;

Trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả, các loại cỏ và cây khác. Dịch vụ cung cấp giống cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý chung cư, cao ốc. Dịch vụ nhà đất. San lấp mặt bằng;

Lập dự án đầu tư. Kinh doanh bất động sản. Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp. Cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, ki-ốt, trung tâm thương mại. Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, ngành công nghiệp. Đại lý bảo hiểm. Môi giới thương mại. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

1.3. Tổng số công ty con

Số lượng các công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm hai công ty như được trình bày ở phần dưới đây.

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

- Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Ê Đen
Địa chỉ: 4A-4B Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ là 100%.
Tỷ lệ góp vốn của công ty mẹ là 100%.
- Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Ê Đen
Địa chỉ: 106 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ là 100%.
Tỷ lệ góp vốn của công ty mẹ là 100%.

1.5. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

- Công ty Cổ phần Sài Gòn Măng Đen
Địa chỉ: Măng Đen – Xã Đăk Long – Huyện KonPLong – Tỉnh Kon Tum.
Tỷ lệ góp vốn của công ty mẹ là 14%.
- Công ty Cổ phần Ê Đen Thanh Bình
Địa chỉ: 63A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ góp vốn của công ty mẹ là 50%.
- Công ty Cổ phần Vinasinh
Địa chỉ: 124 Duy Tân, Thị xã Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.
Tỷ lệ góp vốn của công ty mẹ là 15%.
- Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Saigontourist
Địa chỉ: 94-96 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ góp vốn của công ty mẹ là 25%.

Quyền lợi của Công ty mẹ trong các Công ty liên kết chưa được hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty chưa có được Báo cáo tài chính của các công ty liên kết nêu trên.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
+ Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
+ Tài sản cố định vô hình	03 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị kiến trúc Văn phòng Công ty, chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí thuê mặt bằng và công cụ, dụng cụ. Các chi phí trên được phân bổ từ 02 năm đến 08 năm.

- Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 3 năm.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 2% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

4.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả xác định nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tài chính được trích bằng 10% lợi nhuận sau thuế cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Mức trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi do Đại hội đồng cổ đông xem xét tùy theo kết quả kinh doanh, tình hình kế hoạch hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế suất thuế TNDN áp dụng là 28%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau khi tính thuế TNDN theo mức thuế suất 28%, phần còn lại được tính thuế thu nhập lũy tiến bổ sung.
- Theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009, Công ty thuộc đối tượng giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong quý 4 năm 2008 và năm 2009.
- Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ này.

4.14. Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.335.992.296	2.294.421.500
Tiền gửi ngân hàng	7.715.502.301	11.449.888.203
Tiền đang chuyển	3.500.000.000	-
Cộng	12.551.494.597	13.744.309.703

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	25.589.287.266	38.508.681.654
Trả trước cho người bán	63.459.658.077	39.269.845.974
Các khoản phải thu khác	29.128.669.414	11.407.747.007
Giá trị thuần của các khoản phải thu	118.177.614.757	89.186.274.635

Các khoản phải thu khách hàng là:

	VND
Western Union	9.914.410.453 (tương đương 583.990,72 USD)
Phải thu theo tiến độ dự án đất Bình Trung Đông 1	5.967.470.755
Công ty Cổ phần Bất động sản Đô Thành	5.714.590.000
Khác	3.992.816.058
Cộng	25.589.287.266

Các khoản trả trước người bán chủ yếu là:

- Các khoản ứng trước cho các nhà thầu xây dựng công trình của các dự án:

+ Dự án Solar Moon Resort	30.568.583.264
+ Dự án Eden Mall	13.386.928.975
+ Dự án đất Bình Chánh	5.530.719.985
+ Dự án đất Phú Quốc	5.000.000.000
+ Khác	2.213.015.953
Cộng	56.699.248.177

- Ứng trước 2% trị giá hợp đồng cho Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Phú Dân Sinh với tổng giá trị là 6.367.200.000 đồng liên quan đến việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng lô đất 65 Nguyễn Thái Học, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải thu khác chủ yếu là:

- Đặt cọc cho Công ty Cổ phần Thủy đặc sản Seaspimex trong việc hợp tác đầu tư xây dựng cao ốc phức hợp đa năng 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú với số tiền là 20.000.000.000 đồng.
- Ông Tạ Kim Hùng vay với số tiền là 4.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 6 tháng, lãi suất cho vay là 12,72%/năm.
- Doanh nghiệp Tư nhân Kinh doanh nhà Dương Gia vay với số tiền là 2.130.000.000 đồng và lãi suất cho vay là 0%.
- Cán bộ công nhân viên vay với số tiền là 2.438.573.298 đồng, thời hạn cho vay là 6 tháng, lãi suất là 20,5%/năm.

5.3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	259.888.877	286.843.263
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	138.938.067.373	84.258.203.032
Giá trị thuần có thể thực hiện	139.197.956.250	84.545.046.295

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí đầu tư liên quan các dự án:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đầu tư đất An Phú	-	2.018.580.169
Chi phí đầu tư đất Bình Trưng Đông 1	15.357.185.500	3.754.750.469
Chi phí đầu tư đất Phú Quốc	10.558.046.930	2.193.069.252
Chi phí đầu tư đất Bình Chánh	54.376.135.576	27.353.552.810
Chi phí đầu tư đất Thạnh Mỹ Lợi	31.577.841.083	26.007.904.115
Chi phí đầu tư đất Bình Thuận	9.292.330.243	8.964.832.701
Chi phí đầu tư Eden Mall	7.473.528.112	5.851.801.310
Chi phí đầu tư Salon Moon Resort	8.249.219.234	6.161.825.922
Chi phí dự án Vũng Tàu	189.846.284	189.846.284
Chi phí dự án Bãi Bồn – Hàm Ninh – Phú Quốc	107.628.411	5.734.000
Chi phí dự án Củ Chi	1.756.306.000	1.756.306.000
Cộng	138.938.067.373	84.258.203.032

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	11.255.513.965	11.926.389.024
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	567.550.338	378.954.427
Cộng	11.823.064.303	12.305.343.451
Các khoản tạm ứng là:		
Tạm ứng kinh doanh địa ốc	8.106.660.245	
Tạm ứng dịch vụ hàng không	1.228.417.616	
Khác	1.920.436.104	
Cộng	11.255.513.965	

Tạm ứng kinh doanh địa ốc bao gồm các khoản Công ty ủy quyền cho Bà Nguyễn Võ Quỳnh Giao tiến hành mua đất và đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các dự án Công ty đang triển khai với tổng số tiền là 7.621.126.114 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	487.803.125	390.420.930	1.228.168.533	1.895.088.745	4.001.481.333
Mua trong kỳ	-	172.256.709	1.018.226.598	188.926.073	1.379.409.380
Số dư cuối năm	487.803.125	562.677.639	2.246.395.131	2.084.014.818	5.380.890.713
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	85.390.654	261.856.451	463.219.895	495.675.066	1.306.142.066
Khấu hao trong năm	19.823.280	41.362.239	180.100.222	388.646.554	629.932.295
Số dư cuối năm	105.213.934	303.218.690	643.320.117	884.321.620	1.936.074.361
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	402.412.471	128.564.479	764.948.638	1.399.413.679	2.695.339.267
Tại ngày cuối năm	382.589.191	259.458.949	1.603.075.014	1.199.693.198	3.444.816.352

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp là 936.818.501 đồng.
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 382.681.189 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Bản quyền máy tính trung tâm	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	38.834.176	128.944.175	167.778.351
Mua trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>38.834.176</u>	<u>128.944.175</u>	<u>167.778.351</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	19.417.086	45.719.323	65.136.409
Khấu hao trong năm	12.944.724	42.981.396	55.926.120
Số dư cuối năm	<u>32.361.810</u>	<u>88.700.719</u>	<u>121.062.529</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	19.417.090	83.224.852	102.641.942
Tại ngày cuối năm	<u>6.472.366</u>	<u>40.243.456</u>	<u>46.715.822</u>

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nhà 25 Phan Đình Phùng, Cần Thơ	Căn hộ 18, tầng 1, nhà 104 Nguyễn Huệ	Căn hộ 104- 105, tầng 2, nhà 104 Nguyễn Huệ	Căn hộ 106, tầng 2, nhà 104 Nguyễn Huệ	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.695.360.000	3.500.000.000	2.626.000.000	2.009.900.000	9.831.260.000
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>1.695.360.000</u>	<u>3.500.000.000</u>	<u>2.626.000.000</u>	<u>2.009.900.000</u>	<u>9.831.260.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	135.628.800	105.000.002	52.520.000	33.498.334	326.647.136
Tăng trong năm	67.814.400	140.000.004	105.040.000	80.396.000	393.250.404
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>203.443.200</u>	<u>245.000.006</u>	<u>157.560.000</u>	<u>113.894.334</u>	<u>719.897.540</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.559.731.200	3.394.999.998	2.573.480.000	1.976.401.666	9.504.612.864
Số cuối năm	<u>1.491.916.800</u>	<u>3.254.999.994</u>	<u>2.468.440.000</u>	<u>1.896.005.666</u>	<u>9.111.362.460</u>

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp là 1.491.916.800 đồng.

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	15.050.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	11.335.762.734	13.840.740.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(6.040.732.734)	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	<u>20.345.030.000</u>	<u>13.840.740.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh là:

	Số tiền	Tỷ lệ góp vốn
Công ty Cổ phần Saigon-Măngđen	2.100.000.000	14%
Công ty Cổ phần Ê Đen Thanh Bình	800.000.000	50%
Công ty Cổ phần Vinasinh	1.350.000.000	15%
Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Saigon Tourist	10.800.000.000	25%
Cộng	15.050.000.000	

Đầu tư dài hạn khác là:

	Số lượng	Mệnh giá (VND/CP)	Giá mua (VND/CP)	Thành tiền
Trái phiếu Chính Phủ	-	-		50.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (EIB)	208	1.000.000	6.943.462	1.444.240.000
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (VCB)	11.420	100.000	106.613	1.217.522.734
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải (JOSTOCO)	62.000	10.000	80.000	4.960.000.000
Cổ phần Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành (GCC)	220.000	10.000	10.472	2.304.000.000
Cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định (FIDITOURIST)	9.000	100.000	100.000	900.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (DVSC)	10.000	10.000	46.000	460.000.000
Cộng				11.335.762.734

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là các khoản dự phòng cho đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt dựa vào thông tin thị trường OTC do Công ty Chứng khoán FPT công bố ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị kiến trúc Văn phòng Công ty	1.256.860.728	1.485.150.228
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.701.471.758	654.092.833
Chi phí khác	100.705.973	45.507.800
Cộng	3.059.038.459	2.184.750.861

5.10. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

5.11. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	63.385.000.000	32.434.200.000
Vay đối tượng khác	69.912.635.930	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	228.000.000	3.220.000.000
Cộng	133.525.635.930	35.654.200.000

Vay ngân hàng: là các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất vay bình quân là 1,14%/tháng, tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Quyền sử dụng đất 2.405m² đất tại Phường Thảo Điền, Xã An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Căn nhà số 25 Đường Phan Đình Phùng, Thành phố Cần Thơ.
- Quyền sử dụng đất 4.156m² đất tại Xã Tân Tiến, Huyện La Gi, Tỉnh Bình Thuận.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 104 – 106 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Vay đối tượng khác là:

Vay các công ty pháp nhân với tổng số tiền là 32.000.000.000 đồng, thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất vay bình quân 1,14%/tháng.

Vay cá nhân với tổng số tiền là 35.842.000.000 đồng, thời hạn vay dưới 6 tháng, lãi suất vay bình quân 2,50%/tháng. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này như sau:

- Quyền sử dụng đất số A459345, A459329, A459398 Xã Thạnh Mỹ Lợi, Huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyền sử dụng đất số Q210608, U451888, Q123536, Q210563, Q357723, U451022, Q123719, Q210474, O428287, Q123187, Q123185, U451316, Q123224, N643077, U396513, Q123891 Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Vay cán bộ nhân viên Công ty với tổng số tiền là 2.070.635.930 đồng, thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng, lãi suất vay bình quân là 2,3%/tháng.

Nợ dài hạn đến hạn trả: xem thêm mục 5.17 của Thuyết minh này.

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	20.116.519.529	15.644.448.848
Người mua trả tiền trước	4.841.444.063	52.926.052.422
Cộng	24.957.963.592	68.570.501.270
Phải trả người bán là:		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín Thành phố Hồ Chí Minh	4.543.861.454	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam Thành phố Hồ Chí Minh	3.602.352.007	
Ông Nguyễn Quốc Thụy	3.779.195.000	
Bà Nguyễn Thị Hường	3.521.840.000	
Global Holidays	1.017.014.972	
Khác	3.652.256.096	
Cộng	20.116.519.529	

Người mua trả tiền trước bao gồm doanh thu chưa thực hiện là 4.738.772.703 đồng.

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	3.838.918.624	6.158.134.769
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.780.069.921	5.514.030.112
Thuế thu nhập cá nhân	69.804.051	351.267.060
Cộng	6.688.792.596	12.023.431.941

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án đất Bình Trung Đông 1	34.631.950.000	-
+ Quỹ đất hạ tầng cho Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Kinh doanh nhà Phú Nhuận	17.532.000.000	-
+ Chi phí hạ tầng kỹ thuật chung	17.099.950.000	-
Chi phí xây dựng hạng mục công viên cây xanh, bờ kè và đường nội bộ dự án đất An Phú	1.333.044.000	-
Cộng	35.964.994.000	-

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	222.002.576	152.604.086
Bảo hiểm xã hội	26.904.593	34.831.855
Bảo hiểm y tế	58.154.800	58.037.873
Phải trả về cổ phần hóa	7.000.000	7.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	2.397.071.342	378.708.399
Cộng	2.711.133.311	631.182.213

Phải trả ngắn hạn khác chủ yếu là khoản cổ tức còn phải trả với số tiền là 2.040.645.200 đồng.

5.16. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng	3.697.969.239	3.859.069.080
Nhận ký quỹ quyền sử dụng đất dự án Bình Trung Đông 1	-	2.386.266.289
Nhận ký quỹ bảo hành công trình	131.207.683	126.500.000
Nhận ký quỹ đại lý hàng không	200.000.000	276.315.440
Cộng	4.029.176.922	6.648.150.809

5.17. Các khoản vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Sở Giao dịch II, thời hạn vay là 03 năm, lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả sau cộng (+) 3,1% năm. Tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành từ vốn vay - xe Toyota Camry 5 chỗ. Nợ dài hạn đến hạn trả là 228.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	-	-	-	505.712.792	4.728.239	5.591.454.172	26.101.895.203
Tăng vốn năm trước	32.000.000.000	31.950.000.000	160.000.000	-	-	-	-	64.110.000.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	16.472.034.942	16.472.034.942
Tăng khác	-	-	-	559.145.417	559.145.417	863.482.927	-	1.981.773.761
Giảm vốn năm trước	-	-	(650.880.000)	-	-	-	-	(650.880.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(820.283657)	(5.591.454.172)	(6.411.737.829)
Số dư đầu năm nay	52.000.000.000	31.950.000.000	(490.880.000)	559.145.417	1.064.858.209	47.927.509	16.472.034.942	101.603.086.077
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	-	17.631.220.082	17.631.220.082
Tăng khác	-	-	-	1.647.203.494	1.647.203.494	2.051.548.758	-	5.345.955.746
Giảm khác	-	-	-	-	-	(95.712.500)	(16.156.019.755)	(16.251.732.255)
Số dư cuối năm nay	52.000.000.000	31.950.000.000	(490.880.000)	2.206.348.911	2.712.061.703	2.003.763.767	17.947.235.269	108.328.529.650

Đến ngày 31/12/2008, số lượng cổ phiếu quỹ là 24.544 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỉ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	8.800.000.000	8.800.000.000	16,92%
Vốn góp của các đối tượng khác	43.200.000.000	43.200.000.000	83,08%
Cộng	52.000.000.000	52.000.000.000	100,00%

5.18.3 Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Tại thời điểm đầu năm	16.472.034.942	5.591.454.172
Lợi nhuận sau thuế trong năm	17.631.220.082	16.472.034.942
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(1.647.203.494)	(559.145.417)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(1.647.203.494)	(559.145.417)
Trích lập Quỹ khen thưởng	(1.317.762.796)	(457.778.338)
Chia cổ tức	(11.184.571.205)	(4.000.000.000)
Giảm khác	(359.278.766)	(15.385.000)
Tại thời điểm cuối năm	17.947.235.269	16.472.034.942

5.18.4 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	Chưa công bố	25%

(Phần tiếp theo ở trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	5.175.456	5.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		24.544
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	5.175.456	5.175.456

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Kinh doanh địa ốc	87.833.927.502	40.406.427.274
Dịch vụ lữ hành, du lịch	28.464.054.611	13.337.071.801
Dịch vụ chuyển tiền, kiều hối	27.148.164.322	21.733.198.769
Cho thuê mặt bằng	16.321.294.635	13.928.145.917
Đại lý hàng không	4.202.890.812	3.558.150.201
Khác	1.795.377.728	1.130.353.884
Doanh thu thuần	165.765.709.610	94.093.347.846

(Phần tiếp theo ở trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Địa ốc	56.987.869.682	22.212.164.542
Dịch vụ lữ hành, du lịch	26.926.527.234	12.042.219.716
Dịch vụ chuyển tiền, kiều hối	19.908.200.059	13.839.050.553
Cho thuê mặt bằng	3.600.000.000	5.679.012.168
Đại lý hàng không	8.142.550.917	5.984.866.747
Khác	3.856.711.816	958.915.223
Cộng	119.421.859.708	60.716.228.949

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	238.109.365	185.106.843
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	6.895.833	4.290.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	588.454.400	533.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.058.753.886	62.507.078
Khác	36.582.408	66.126.252
Cộng	1.928.795.892	851.530.173

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	6.040.732.734	-
Chi phí lãi vay	3.617.419.439	2.156.404.597
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	134.166.395	68.721.820
Cộng	9.792.318.568	2.225.126.417

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.152.494.989	5.968.083.816
Chi phí đồ dùng văn phòng	497.997.253	230.572.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	878.886.534	535.430.783
Thuế, phí và lệ phí	783.034.655	234.357.482
Chi phí dự phòng	77.261.796	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.693.184.930	2.361.301.207
Khác	875.226.606	3.094.505.010
Cộng	14.958.086.763	12.424.251.274

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Lãi/(lỗ) kế toán trước thuế	Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	Thu nhập chịu thuế	Chi phí thuế TNDN hiện hành
Công ty Cổ phần Ê Đen	26.562.373.456	(8.538.927.893)	18.023.445.563	6.176.077.565
Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Ê Đen	(2.251.264.862)	-	(2.251.264.862)	-
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Ê Đen	(397.165)	-	(397.165)	-

(Phần tiếp theo ở trang 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí thuế TNDN hiện hành Công ty Cổ phần Ê Đen chi tiết như sau:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.562.373.456
<i>Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế</i>	<i>(8.538.927.893)</i>
+ Cổ tức được chia	(583.454.400)
+ Doanh thu dự án đất Bình Trưng Đông 1 đã quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.137.118.183)
+ Giá vốn dự án đất Bình Trưng Đông 1 đã quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp	15.181.644.690
Tổng thu nhập chịu thuế	18.023.445.563
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.046.564.758
Thuế thu nhập doanh nghiệp lũy tiến	3.004.528.312
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008	8.051.093.070
Thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2008 được giảm theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009	(1.875.015.505)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.176.077.565

Tài sản thuế hoãn lại của số lỗ tính thuế năm nay ở các công ty con chưa được ghi nhận vì hiện tại các công ty con đang trong tình trạng lỗ và việc các công ty con này có thể tạo ra lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để cân trừ với tài sản thuế hoãn lại là không chắc chắn.

(Phần tiếp theo ở trang 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch tạm thời chịu thuế	25.087.720	-
+ <i>Lỗ thanh lý tài sản cố định</i>	15.087.720	-
+ <i>Doanh thu nhận trước</i>	10.000.000	-
Chênh lệch tạm được khấu trừ	(724.273.529)	-
+ <i>Doanh thu chưa thực hiện</i>	(706.231.364)	-
+ <i>Chênh lệch khấu hao tài sản cố định thanh lý</i>	(18.042.165)	-
Tổng chênh lệch tạm thời	(699.185.809)	-
Thuế suất thuế TNDN	28%	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời	(195.772.027)	-

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.631.220.082	16.472.034.942
Số lượng cổ phiếu bình quân	5.175.456	4.451.901
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.407	3.700

(Phần tiếp theo ở trang 36)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 được Tổng Giám đốc phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 03 năm 2009.

Ngày 30 tháng 03 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HÀ THANH THÙY TRANG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TẠ KIM HÙNG